

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-10-2019

*“ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Long;

Ông Dương Phước Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hòa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 8 năm 2019 và ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim O, sinh năm 1975; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1969; Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đều trú tại: thôn C, xã T, huyện h, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Kim O trình bày: Chị Lê Thị Kim O và anh Lê Ngọc T đăng kết hôn vào năm 2002 tại

UBND xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh T không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Thường xuyên đi chùa, không chịu đi làm để kiếm tiền phụ giúp gia đình. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị O có nguyện vọng xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Lê Thị Kim O và anh Lê Ngọc T có 02 con chung là Lê Thị Vân Đ, sinh ngày 06/6/2003 và Lê Hải Đ2, sinh ngày 07/8/2012. Nếu ly hôn, chị O có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Bởi vì nghề nghiệp của chị O là công nhân Công ty Cao su Camel Việt Nam và có thu nhập ổn định khoảng 9 triệu đồng/tháng. Anh T thì chỉ ở nhà và đi chùa không chịu làm ăn phụ giúp gia đình nên không có khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 11/4/2019, ngày 24/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị O kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2002 đến nay. Quá trình chung sống đôi lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chỉ vì hiện tại anh T không có việc làm nên không có thu nhập để nuôi vợ con, anh T cũng thừa nhận có lên chùa để làm từ thiện. Anh T mong muốn vợ chồng bỏ qua, gia đình là trên hết nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chị Lê Thị Kim O và anh Lê Ngọc T có 02 con chung là Lê Thị Vân Đ, sinh ngày 06/6/2003 và Lê Hải Đ2, sinh ngày 07/8/2012. Nếu phải ly hôn, anh muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hải Đ2, sinh ngày 07/8/2012. Anh có nghề nghiệp là làm rẫy, thu nhập không ổn định. Nhưng tới đây anh sẽ đi tìm kiếm thêm việc làm để có thu nhập nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim O giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh T và chị O (bản chính); giấy khai sinh của các con, CMND của chị O, anh T và sổ hộ khẩu (bản sao có chứng thực).

Tòa án đã tiến hành lấy nguyện vọng của cháu Lê Thị Vân Đ ngày 24/4/2019 và cháu Lê Hải Đ2 ngày 12/9/2019 và tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị O và anh T cư trú ngày 22/5/2019 và ngày 11/6/2019.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, thư ký được phân công giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được tiến hành công khai, công bằng, đảm bảo sự vô tư khách quan trong tố tụng dân sự. Đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, 51, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 174 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Kim O được ly hôn với anh Lê Ngọc T.
- Về con chung: Giao các cháu Lê Thị Vân Đ, sinh ngày 06/6/2003 và Lê Hải Đ2, sinh ngày 07/8/2012 cho chị Lê Thị Kim O chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Oanh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- Về án phí: Buộc chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Ngọc T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, ban đầu anh T có mặt, chấp hành đúng thời gian, theo yêu cầu của Tòa án nhưng sau khi Hội đồng xét xử Quyết định tạm ngừng phiên tòa và đã cấp tổng đạt trực tiếp cho anh T các văn bản tố tụng về việc mở lại phiên tòa thì tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim O và anh Lê Ngọc T yêu nhau và tự nguyện kết hôn vào năm 2002 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Như vậy hôn nhân giữa chị O và anh T được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Do công việc không ổn định nhưng anh T không cố gắng tìm kiếm việc làm để có thu nhập tiền phụ giúp gia đình. Theo lời trình bày của chị O thì chị O đã nhiều lần giới thiệu anh T đi làm bảo vệ tại công ty nhưng anh T từ chối và căn cứ biên bản xác minh ngày 22/5/2019 và 11/6/2019 tại UBND xã Tân Thành thì tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh T gần 02 năm trở lại đây tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, anh T không chăm lo cho cuộc sống gia đình giúp đỡ vợ con. Thấy tình cảm vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa

giải để anh T có thời gian suy nghĩ hàn gắn tình cảm vợ chồng, tìm kiếm việc làm để phụ giúp gia đình nhưng không có kết quả và chị O cũng cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Kim O cho chị được ly hôn anh Lê Ngọc T.

Về con chung: Chị O và anh T có 02 con chung là Lê Thị Vân Đ, sinh ngày 06/6/2003 và Lê Hải Đ2, sinh ngày 07/8/2012. Xem xét điều kiện để đảm bảo việc trực tiếp nuôi con thì: Đối với chị O có công việc là công nhân Công ty Cao su Camel Việt Nam và có thu nhập 9.847.000 đồng/tháng; Đối với anh T thì anh T trình bày là có nghề nghiệp là làm rẫy thu nhập không ổn định. Tuy nhiên theo 02 Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành ngày 22/5/2019 và 11/6/2019 thì 02 năm qua và hiện tại anh T thường xuyên ở nhà nên không có thu nhập. Mặt khác, nguyện vọng của các cháu nếu bố mẹ ly hôn thì cháu Lê Thị Vân Đ, Lê Hải Đ2 đều có nguyện vọng xin ở với mẹ. Do đó, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Lê Thị Vân Đ, Lê Hải Đ2 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con của chị O là có căn cứ đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về chia tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Lê Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/ 0007240 ngày 12/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Chị O đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Kim O được ly hôn anh Lê Ngọc T.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Thị Vân Đ, sinh ngày 06/6/2003 và Lê Hải Đ2, sinh ngày 07/8/2012 cho chị Lê Thị Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc Oanh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/ 0007240 ngày 12/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Chị Lê Thị Kim O đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Kim O có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND H.Hướng Hóa;
- Chi cục THADS H. Hướng Hóa;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trung